TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 25-5-2022
"*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tưởng Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-TCDS ngày 13/7/2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số 10/NHCSQT-UQ ngày 05/01/2022); địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ; cùng địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 29/6/2015 giữa Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với hộ vay bà Nguyễn Thị T đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000704905900, qua đó Ngân hàng cho hộ bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 0.66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0.858%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, kỳ trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/6/2018 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Ngày 29/6/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho hộ bà T số tiền 40.000.000 đồng theo như hợp đồng hai bên ký kết. Mục đích vay vốn của hộ vay là để chăn nuôi bò sinh sản và được bà T, ông Đ thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng phía hộ vay mới trả được 20.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 24/6/2019 và khoản tiền lãi là 11.718.711 đồng. Phía hộ vay đã không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Ngân hàng đã thông báo, làm việc yêu cầu bên vay phải trả khoản tiền nợ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh nhưng vẫn không thực hiện, không trả nợ.

Sau khi khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, phía hộ vay tiếp tục trả được số tiền gốc là 2.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 và 1.500.000 đồng vào ngày 17/3/2022.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2022), bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ còn nợ Ngân hàng C số tiền là 23.423.711 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 6.923.711 đồng. Đại diện cho Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền nợ gốc 3.500.000 đồng mà bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ đã trả.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ thống nhất trình bày: Gia đình ông bà và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000704905900 vào ngày 29/6/2015 với tiền gốc, lãi suất, thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ, mục đích vay như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Gia đình đã được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình giải ngân số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Ông bà thừa nhận khoản vay tại Ngân hàng, quá trình trả nợ và hiện tại còn nợ tại Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, theo ông Đính, bà T thì số tiền gốc còn nợ là 20.000.000 đồng này là vay cho bà Cao Thị N. Nay Ngân hàng yêu cầu gia đình ông bà phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì ông bà không chấp nhận, ông bà yêu cầu bà Cao Thị N phải chịu trách nhiệm trả tiền cho gia đình ông bà để trả cho Ngân hàng.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, gửi giấy triệu tập nhiều lần cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ và mặc dù có mặt tại địa phương, nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa, giải quyết vụ án.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 401, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 23.423.711 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.500.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2022) là 6.923.711 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Ngân hàng C về khoản tiền nợ gốc 3.500.000 đồng mà bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ đã trả; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với hộ vay bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ do bà T đại diện ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, chăn nuôi trong gia đình. Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ đã vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 29/6/2015, giữa Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với hộ vay bà Nguyễn Thị T (bà T là người đại diện hộ vay) đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000704905900, qua đó Ngân hàng cho gia đình bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 0.66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0.858%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, kỳ trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/6/2018 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, ngày 29/6/2015 Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bên vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên hộ vay bà Nguyễn Thị T chỉ mới thanh toán được 23.500.000 đồng tiền gốc và khoản tiền lãi là 11.718.711 đồng cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán.

Việc vay vốn của bên vay là nhằm mục đích phục vụ nhu cầu chung cho gia đình và bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ cũng đã thừa nhận khoản vay, số tiền nợ này tuy nhiên vẫn không đưa ra được phương thức thực hiện nghĩa vụ, phương án trả nợ vào thời gian, số tiền trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu trả nợ và cung cấp cho Tòa án bảng tính lãi tính theo đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong Hợp đồng tín dụng, số tiền nợ là đúng theo quy định. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ khi cho rằng số tiền 20.000.000 trong tổng số tiền 40.000.000 đồng là vay cho bà Cao Thị N nên bà N phải có trách nhiệm đối với khoản tiền nợ này và khi nào bà Nguyệt trả tiền cho ông bà thì ông bà mới trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với hộ vay bà Nguyễn Thị T đã giao kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Như vậy, hợp đồng làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với hai bên là Ngân hàng và hộ vay bà Nguyễn Thị T, buộc các bên tham gia ký kết phải thực hiện hợp đồng. Theo Hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 40.000.000 đồng cho hộ vay bà Nguyễn Thị T và chính bà Nguyễn Thị T là người đại diện trực tiếp ký nhận, nhận tiền từ Ngân hàng. Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ cũng đã thừa nhận điều này. Đồng thời, ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà Cao Thị N ký vay, nhận tiền từ Ngân hàng. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, phía hộ vay đã thừa nhận khoản tiền nợ và tiếp tục trả được số tiền gốc cho Ngân hàng là 2.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 và 1.500.000 đồng vào ngày 17/3/2022.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ đưa ra đề nghị yêu cầu bà Cao Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh là không phù hợp, không có căn cứ chấp nhận. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ có vay tiền từ Ngân hàng rồi cho bà Cao Thị N

vay lại thì bà T, ông Đ có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc đã trả, Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì phía bà T, ông Đ đã tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 và 1.500.000 đồng vào ngày 17/3/2022. Do vậy, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền đã trả này là hoàn toàn phù hợp, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng C với tổng số tiền là 23.423.711 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.500.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.923.711 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 401, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 23.423.711 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.500.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2022) là 6.923.711 đồng

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/5/2022), bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hưng Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ

gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này"

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Ngân hàng C về khoản tiền nợ gốc 3.500.000 đồng mà bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ đã trả.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hưng Đ phải chịu 1.171.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực